

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/DSST
Ngày: 11 /10/2019
Về việc Tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Hoàng Phúc

Bà Trần Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương- Kiểm sát viên..

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 94/2019/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định số: 84/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bành Văn T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Bành Văn Bé B, sinh năm 1975 (vắng)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1977 (vắng)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2019 và yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (ngày 15/8/2019) cũng như lời khai trong quá trình tố tụng, ông Bành Văn T nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/9/2018 ông có cho ông Bành Văn Bé B vay 250.000.000đ, mục đích để đáo hạn ngân hàng, việc vay này có bà Lê Thị Ngọc N là vợ của ông Bé B thấy và

biết. Sau khi vay, ông Bé B trả cho ông được 50.000.000 đồng vốn gốc. Nay yêu cầu ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N trả tiền là 233.000.000đ (trong đó: vốn 200.000.000đ; lãi là 33.000.000đ theo lãi suất 1,5%/tháng x 11 tháng (kể từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử).

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đối với bị đơn ông Bành Văn Bé B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ngọc N vắng mặt. Nhưng ông Bé B có bản khai thừa nhận còn thiếu tiền vay của ông T 200.000.000đ, nhưng ông không yêu cầu bà N có trách nhiệm cùng trả nợ với ông.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bành Văn T buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N phải có nghĩa vụ trả cho ông Bành Văn T số tiền số tiền gốc 200.000.000đ, lãi phát sinh từ ngày 02/9/2018 đến ngày 11/10/2019, theo lãi suất 10%/năm.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. *(có phát biểu quan điểm kèm theo).*

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bành Văn T khởi kiện yêu cầu ông Bành Văn Bé B trả nợ. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên yêu cầu khởi kiện của ông Bành Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án đã tổng đạt hợp các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào biên nhận nợ do ông Bành Văn T cung cấp thể hiện ngày 02/9/2018. Do đó, việc ông Bành Văn T nộp đơn khởi kiện và thụ lý vào ngày 08/4/2019 vẫn trong thời hiệu khởi kiện tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về vốn vay:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Bành Văn T giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N trả cho ông T số tiền vốn gốc 200.000.000 đồng và tính lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là (ngày 11/10/2019).

Về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Bành Văn T là có cơ sở, bởi tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 ông Bành Văn T yêu cầu ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N trả cho ông 272.500.000 đồng (trong đó vốn: 250.000.000 đồng; lãi 22.500.000 đồng). Nhưng tại Biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 15/8/2019 ông T thừa nhận ông Bành Văn Bé B có trả cho ông 50.000.000 đồng tiền vốn, còn thiếu lại 200.000.000 đồng nên ông yêu cầu ông Bé B và bà N trả tiền vốn 200.000.000 đồng và tính lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét yêu cầu tính lãi của ông T, việc ông T yêu cầu ông Bé B và bà N trả vốn gốc 200.000.000đ và tiền lãi trên nợ gốc 1,5%/tháng, nhưng do quá trình vay giữa ông T với ông Bé B không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Do hai bên không thống nhất lãi suất. Hội đồng xét xử nghĩ nên căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất 10%/năm; buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho ông Bành Văn T tiền vốn 200.000.000đ và lãi, chiết tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/10/2019) là 13 tháng 09 ngày (200.000.000đ x 0,83%/tháng x 13 tháng 09 ngày = 23.074.000đ.

Tại phiên tòa ông T trình bày khoản tiền mà ông Bé B còn thiếu ông là nợ chung của vợ chồng ông Bé B với bà N vì mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Cho nên, cần buộc ông Bé B, bà N có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông T số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Bành Văn T được chấp nhận nên cần buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bành Văn T.

Tuyên:

Buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho ông Bành Văn T số tiền 223.074.000 đồng; trong đó: vốn gốc 200.000.000 đồng; lãi 23.074.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Bành Văn Bé B và bà Lê Thị Ngọc N phải chịu 11.153.700 đồng

Ông Bành Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bành Văn T số tiền 6.812.300 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001898 ngày 08/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho các đương biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.\

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H. Châu Thành;
- CC THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu